

Số: 232/KH-THBL

Bảo Lộc, ngày 6 tháng 9 năm 2019

## **KẾ HOẠCH**

### **Thực hiện công khai năm học 2019-2020**

Thực hiện Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy chế thực hiện công khai đối với các cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân;

Trường THPT Bảo Lộc xây dựng Kế hoạch thực hiện công khai năm học 2019-2020, như sau:

#### **I. Mục tiêu thực hiện công khai.**

1. Thực hiện công khai để người học, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và xã hội tham gia giám sát và đánh giá nhà trường theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện công khai nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong quản lý nguồn lực và đảm bảo chất lượng giáo dục và đào tạo.

#### **II. Nội dung thực hiện.**

##### **1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế:**

a) **Cam kết chất lượng giáo dục:** điều kiện về đối tượng tuyển sinh của nhà trường; chương trình giáo dục mà nhà trường thực hiện; yêu cầu phối hợp giữa nhà trường và gia đình, yêu cầu thái độ học tập của học sinh; các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho học sinh ở nhà trường; kết quả đánh giá về từng năng lực, phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được; khả năng học tập tiếp tục của học sinh (thực hiện theo Biểu mẫu 09).

b) **Chất lượng giáo dục thực tế:** số học sinh học 2 buổi/ngày; số học sinh xếp loại theo hạnh kiểm, học lực, tổng kết kết quả cuối năm, đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi, dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp, được công nhận tốt nghiệp, thi đỗ vào đại học, cao đẳng, học sinh nam/học sinh nữ, học sinh dân tộc thiểu số (Theo Biểu mẫu 10).

c) **Kế hoạch xây dựng cơ sở giáo dục đạt chuẩn quốc gia và kết quả đạt được qua các mốc thời gian.**

d) **Kiểm định cơ sở giáo dục:** công khai báo cáo đánh giá ngoài, kết quả công nhận đạt hoặc không đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

##### **2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục:**

a) **Cơ sở vật chất:** số lượng, diện tích các loại phòng học, phòng chức năng, phòng nghỉ cho học sinh nội trú, bán trú, tính bình quân trên một học sinh; số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có và còn thiếu so với quy định (thực hiện theo Biểu mẫu 11).

##### **b) Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên:**

Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được chia theo hạng chức danh nghề nghiệp, chuẩn nghề nghiệp và trình độ đào tạo (thực hiện theo Biểu mẫu 12).

Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng; hình thức, nội dung, trình độ và thời gian đào tạo và bồi dưỡng trong năm học và 2 năm tiếp theo.

##### **3. Công khai thu chi tài chính:**

###### **a) Tình hình tài chính của nhà trường:**

- Công khai tài chính theo các văn bản quy định hiện hành về các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân và các văn bản hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

- Thực hiện niêm yết các biểu mẫu công khai dự toán, quyết toán thu chi tài chính theo các văn bản quy định hiện hành về công khai quản lý tài chính.

- Công khai mức thu học phí, các khoản thu khác theo từng năm, số tiền ngân sách nhà nước hỗ trợ cho nhà trường, các khoản thu từ viện trợ, tài trợ, quà biếu, tặng, các khoản phải nộp cho ngân sách nhà nước.

**b) Học phí và các khoản thu khác từ người học:**

- Công khai mức thu học phí và các khoản thu khác theo từng năm học và đối tượng, tiêu chuẩn miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập.

**c) Các khoản chi theo từng năm học:**

- Công khai các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo, chi tham quan học tập trong nước và nước ngoài; mức thu nhập hằng tháng của giáo viên và cán bộ quản lý (mức cao nhất, bình quân và thấp nhất); chi thu nhập tăng thêm cuối năm tài chính, mức chi thường xuyên/1 học sinh; chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị.

**d) Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội.**

**đ) Kết quả kiểm toán (nếu có):** thực hiện công khai kết quả kiểm toán theo quy định tại các văn bản quy định hiện hành về công khai kết quả kiểm toán và kết quả thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước.

**III. Hình thức và thời điểm công khai**

**a) Hình thức:**

- Công khai trên trang thông tin điện tử của trường: <https://thptbaoloc.edu.vn>

- Niêm yết công khai tại bảng tin.

- Công khai trong các kỳ họp, hội nghị ban đại diện CMHS.

**b) Thời điểm công khai:**

- Tháng 6 hằng năm, đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và kịp thời trước khi khai giảng năm học hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan. Đối với công khai tài chính: Công khai tháng 6 hàng năm sau khi quyết toán quý II và công khai cuối năm sau khi kết thúc quyết toán tài chính năm.

- Thời gian thực hiện niêm yết ít nhất 30 ngày liên tục kể từ ngày niêm yết.

**IV. Tổ chức thực hiện và chế độ báo cáo**

1. Ban giám hiệu chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung, hình thức và thời điểm công khai quy định. Thực hiện tổng kết, đánh giá công tác công khai nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản lý.

2. Báo cáo kết quả thực hiện quy chế công khai của năm học trước và kế hoạch triển khai quy chế công khai của năm học sắp tới cho cơ quan chỉ đạo, chủ trì tổ chức kiểm tra và cơ quan chủ quản (nếu có) trước 30 tháng 9 hằng năm.

3. Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra thực hiện công khai của nhà trường.

4. Thực hiện công bố kết quả kiểm tra vào thời điểm không quá 5 ngày sau khi nhận được kết quả kiểm tra của cơ quan chỉ đạo, chủ trì tổ chức kiểm tra và bằng các hình thức sau:

a) Công bố công khai trong cuộc họp với cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường.

b) Niêm yết công khai kết quả kiểm tra tại bảng tin đảm bảo thuận tiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh hoặc học sinh xem xét.

c) Đưa lên trang thông tin điện tử của nhà trường.

Trên đây là kế hoạch Thực hiện công khai về thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục và đào tạo, các điều kiện đảm bảo chất lượng và thu chi tài chính năm học 2019-2020 của trường THPT Bảo Lộc.

**Nơi nhận:**

- Sở GD&ĐT (báo cáo);

- Niêm yết công khai (thực hiện);

- Lưu VT.

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

(Đã ký và đóng dấu)

**Nguyễn Thị Thùy Phương**

## THÔNG BÁO CÔNG KHAI CÁC KHOẢN THU NĂM HỌC 2019-2020

Căn cứ Thông tư 36/2017-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ giáo dục và đào tạo về việc ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở GD&ĐT thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ công văn số 1552/SGDĐT-KHTC ngày 20 tháng 8 năm 2019 của Sở giáo dục và đào tạo Lâm Đồng về việc hướng dẫn triển khai thực hiện các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục đào tạo năm học 2019-2020;

Căn cứ kết quả việc lấy ý kiến và được sự nhất trí cao của cha mẹ học sinh tại cuộc họp thường trực Ban đại diện CMHS đầu năm học vào ngày 5/9/2019;

Trường THPT Bảo Lộc thông báo công khai các khoản thu đầu năm học 2019-2020 cho cha mẹ học sinh và CB-GV-NV của nhà trường như sau:

### **I. Thu theo quy định**

#### **1. Thu học phí:** 70.000 đ/HS/tháng.

Thực hiện theo các văn bản: Nghị quyết số 30/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc quy định mức học phí đối với các cơ sở giáo dục công lập từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

**2. Bảo hiểm y tế (số tiền HSSV tự đóng sau khi trừ phần NSNN hỗ trợ):** 46.935đ/hs/tháng x số tháng học sinh tham gia cụ thể như sau:

- HS khối 10 đã có thẻ đến 30/9/2019 : 46.935 x 15 tháng = 704.025 đ/HS;

- HS khối 10,11 đã có thẻ đến 31/12/2019: 46.935 x 12 tháng = 563.220 đ/HS;

- HS khối 12 đã có thẻ đến 31/12/2019: 46.935 x 9 tháng = 422.415 đ/HS.

Theo văn bản số 1447/HDLN-BHXH-SGDĐT ngày 30/07/2019 của BHXH tỉnh Lâm Đồng và Sở GD-ĐT Lâm Đồng về việc thực hiện bảo hiểm y tế học sinh, sinh viên năm 2020.

### **II. Thu các khoản thu tự nguyện**

1. Bảo hiểm thân thể học sinh : 120.000đ/HS/năm.

### **III. Thu các khoản thu hộ theo thỏa thuận, thu khác:**

#### **1. Dạy thêm ôn thi THPT, mở rộng, nâng cao và ôn tập cho học sinh:**

- Khối 10+11+12: 50.000 đồng/HS/tháng/môn (học 10 tiết/tuần);

- Khối 12: 100.000 đồng/HS/tháng/môn (học 12 tiết/tuần tháng 5,6/2020).

#### **2. Giữ xe:**

Áp dụng theo Quyết định số 64/2016/QĐ-UBND ngày 21/12/2016 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc quy định giá dịch vụ trông giữ xe trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng và được thống nhất như sau:

- Xe đạp: 70.000 đ/HS/năm học;

- Xe máy: 185.000 đ/HS/năm học;

- Xe điện: 150.000 đ/HS/năm học.

#### **3. Dịch vụ số liên lạc điện tử:** 110.000đ/HS/năm.

**4. Tài trợ, ủng hộ giáo dục:** Tự nguyện theo tấm lòng hảo tâm của phụ huynh học sinh, cựu học sinh và các nhà hảo tâm:

Thực hiện theo Thông tư 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/8/2018 của Bộ GD&ĐT qui định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; Công văn số 1552/SGDĐT-KHTC, ngày 20/8/2019 của Sở GD&ĐT hướng dẫn thực hiện các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục đào tạo năm học 2019-2020;

Căn cứ Tờ trình Số: 231/TTr-THBL ngày 6/9/2019 “Về việc xin chủ trương về vận động, tiếp nhận, quản lý và sử dụng nguồn tài trợ, ủng hộ giáo dục năm học 2019-2020”, Kế hoạch Số: 230/KH-THBL ngày 6/9/2019 “Kế hoạch vận động, tiếp nhận, quản lý và sử dụng nguồn thu từ sự tài trợ, ủng hộ trong phụ huynh học sinh, cựu học sinh và các nhà hảo tâm để tăng cường cơ sở vật chất trường lớp, hỗ trợ hoạt động dạy học và giáo dục năm học 2019-2020” của trường THPT Bảo Lộc đã được Sở GD và ĐT Lâm Đồng phê duyệt tại văn bản số 1689/SGDDĐT-KHTC ngày 6/9/2019 “V/v phê duyệt kế hoạch vận động tài trợ giáo dục năm học 2019-2020 Trường THPT Bảo Lộc”.

#### **IV. Kinh phí hoạt động của:**

**1. Ban đại diện CMHS trường:** 100.000 đ/HS/năm học

Thực hiện theo Thông tư 55/2011/TT-BGD&ĐT ban hành điều lệ Đại diện CMHS. Ban đại diện CMHS quản lý thu, chi, nhà trường giám sát.

**2. Tiền phục vụ trực tiếp cho học sinh:** in thẻ học sinh, in phiếu điểm giữa học kỳ I, giữa học kỳ II, cuối HKI, cuối năm học cho học sinh, tiền nước uống (mua máy lọc tinh khiết, bảo hành, bảo trì máy lọc nước) cho học sinh, chi vật tư phục vụ vệ sinh cho học sinh: 50.000 đ/HS/năm học.

Trường THPT Bảo Lộc thông báo công khai các khoản thu năm học 2019- 2020 cho cha mẹ học sinh và CB-GV-NV nhà trường được biết.

Thời gian công khai: 90 ngày (từ ngày 6/9/2019 đến ngày 6/11/2019).

Địa điểm công khai: Tại bảng công khai nhà trường.

Hình thức công khai: Niêm yết và thông báo trong hội nghị CMHS năm học 2019-2020.

*Bảo Lộc, ngày 6 tháng 09 năm 2019*

**HIỆU TRƯỞNG**

*(Đã ký và đóng dấu)*

**Nguyễn Thị Thuỳ Phương**

**THÔNG BÁO**  
**Cam kết chất lượng giáo dục của Trường THPT Bảo Lộc,**  
**năm học 2019-2020**

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp		
		Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Điều kiện tuyển sinh	Xét tuyển 11 lớp: 430 HS	Thi lên 11 lớp: 430 HS	Thi lên 11 lớp: 400 HS
II	Chương trình giáo dục mà nhà trường thực hiện	Ban Cơ Bản. Do Bộ GD-ĐT qui định	Ban Cơ Bản. Do Bộ GD-ĐT qui định	Ban Cơ Bản. Do Bộ GD-ĐT qui định
III	Yêu cầu về phối hợp giữa nhà trường và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	Tốt (Theo Luật GD, Điều lệ trường THPT)	Tốt (Theo Luật GD, Điều lệ trường THPT)	Tốt (Theo Luật GD, Điều lệ trường THPT)
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở nhà trường	Đầy đủ theo Điều lệ Trường THPT	Đầy đủ theo Điều lệ Trường THPT	Đầy đủ theo Điều lệ Trường THPT
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	HK: Tốt, Khá: 99.5%; TB: < 0.5%; Yếu: 0% HL: Giỏi, Khá: 90%, TB: <10%; Yếu: 0%. HS có Sức khỏe tốt.	HK: Tốt, Khá: 99.5%; TB: < 0.5%; Yếu: 0% HL: Giỏi, Khá: 90%, TB: <10%; Yếu: 0%. HS có Sức khỏe tốt.	HK: Tốt, Khá: 99.5%; TB: < 0.5%; Yếu: 0% HL: Giỏi, Khá: 90%, TB: <10%; Yếu: 0%. HS có Sức khỏe tốt.
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	Tỷ lệ lên lớp thẳng: 100%; Không có HS thi lại	Tỷ lệ lên lớp thẳng: 100%; Không có HS thi lại	Tỷ lệ đậu TNTHPT 100% Tỷ lệ đậu ĐH, CĐ 100%

Bảo Lộc, ngày 30 tháng 06 năm 2019

**HIỆU TRƯỞNG**

(Đã ký và đóng dấu)

**Nguyễn Thị Thùy Phương**

**THÔNG BÁO**  
**Công khai thông tin cơ sở vật chất của Trường THPT Bảo Lộc,**  
**năm học 2019-2020**

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
<b>I</b>	<b>Số phòng học</b>	38	Số m <sup>2</sup> /học sinh
<b>II</b>	<b>Loại phòng học</b>		-
1	Phòng học kiên cố	38	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn	8	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	3	-
7	Bình quân lớp/phòng học	1	-
8	Bình quân học sinh/lớp	38	-
<b>III</b>	<b>Số điểm trường</b>		-
<b>IV</b>	<b>Tổng số diện tích đất (m<sup>2</sup>)</b>	13125	10.3
<b>V</b>	<b>Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m<sup>2</sup>)</b>	3325	4.28
<b>VI</b>	<b>Tổng diện tích các phòng</b>	2864	
1	Diện tích phòng học (m <sup>2</sup> )	57	1.52
2	Diện tích phòng học bộ môn (m <sup>2</sup> )	57	1.52
3	Diện tích thư viện (m <sup>2</sup> )	130	87
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m <sup>2</sup> )	1 /525	0.45
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m <sup>2</sup> )	1/ 171	0.15
<b>VII</b>	<b>Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu</b>		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	Đủ	Đủ
1.1	Khối lớp 10	Đủ	Đủ
1.2	Khối lớp 11	Đủ	Đủ
1.3	Khối lớp 12	Đủ	Đủ
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	Đủ	Đủ
2.1	Khối lớp 10	Đủ	Đủ
2.2	Khối lớp 11	Đủ	Đủ
2.3	Khối lớp 12	Đủ	Đủ
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	01	
4	...		
<b>VIII</b>	<b>Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)</b>	105	Số học sinh/bộ
<b>IX</b>	<b>Tổng số thiết bị dùng chung khác</b>		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	12	0.3
2	Cát xét	4	0.3
3	Đầu Video/đầu đĩa	2	0.3
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	35	1
5	Thiết bị khác...		

6	Máy in	7	0.2
7	Loa vi tính	38	1

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	12	0.3
2	Cát xét	4	0.3
3	Đầu Video/đầu đĩa	2	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	35	1
5	Thiết bị khác...	-	
6	Máy in	7	0.2
7	Loa vi tính	38	1

	Nội dung	Số lượng (m <sup>2</sup> )
X	Nhà bếp	Không có
XI	Nhà ăn	Không có

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m <sup>2</sup> )	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Thư viện đạt chuẩn Quốc gia	130	50	2.6
XIII	Nhà đa năng	525	1500	0.45

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m <sup>2</sup> /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	x		x		
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	x		x		

(\*Theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/2/2011 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

Bảo Lộc, ngày 30 tháng 06 năm 2019

**HIỆU TRƯỞNG**

(Đã ký và đóng dấu)

**Nguyễn Thị Thùy Phương**

## THÔNG BÁO

### Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của Trường THPT Bảo Lộc, năm học 2019-2020

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	<b>Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên</b>	81		13	60	2	3	3	73			22	58		1
<b>I</b>	<b>Giáo viên</b> Trong đó số giáo viên dạy môn:	70		11	59				70			18	50		
1	Toán-Tin	15		3	12				15			5	10		
2	Lý-CN	11		1	10				11			3	8		
3	Hóa	8		1	7				8			1	7		
4	Sinh-CN	6		3	3				6			1	5		
5	Ngữ Văn	8		2	6				8			1	7		
6	Sử - Địa - GDCD	8			9				8			2	6		
7	Tiếng Anh	8		1	7				8			3	5		
8	Thể dục-GDQP	6			6				6			2	4		
<b>II</b>	<b>Cán bộ quản lý</b>	3		1	1				2			2			
1	Hiệu trưởng	1		1					3			1			
2	Phó hiệu trưởng	2			2				2			1	1		
<b>III</b>	<b>Nhân viên</b>	8			1	2	2	3				2	6		
1	Nhân viên văn thư	1					1					1			
2	Nhân viên kế toán	1			1								1		
3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế	1				1							1		
5	Nhân viên thư viện	1					1					1			
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm														
7	Nhân viên công nghệ thông tin	1				1							1		
9	Nhân viên bảo vệ, tạp vụ	3						3					3		

Bảo Lộc, ngày 30 tháng 06 năm 2019

**HIỆU TRƯỞNG**

(Đã ký và đóng dấu)

**Nguyễn Thị Thuỳ Phương**